

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0571**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200001	Bùi Bình An	22/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200002	Bùi Trần Thái An	08/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200003	Đình Thế An	01/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200004	Đình Vũ Khánh An	18/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200005	Đỗ Hồng Phúc An	23/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200006	Đỗ Huy Bảo An	03/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200007	Đồng Hà An	28/01/2011	Nước ngoài	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200008	Hà Nguyên Phúc An	28/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200009	Lương Xuân An	23/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200010	Nguyễn Phạm Khánh An	06/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200011	Nguyễn Văn An	28/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200012	Phạm An	26/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200013	Phạm Bảo An	21/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200014	Phạm Đức Bảo An	28/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200015	Phạm Hải An	22/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200016	Phạm Nguyễn Mai An	08/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200017	Phạm Xuân An	02/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200018	Trần Đình Thiên An	04/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200019	Trần Nguyễn Phong An	22/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200020	Vũ Bảo An	22/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200021	Vũ Bình An	02/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200022	Vũ Hoàng Nhã An	13/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Gia Hòa	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200023	Vũ Nam An	21/05/2011	Thành phố Hà Nội	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200024	An Phạm Quỳnh Anh	03/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Tứ Cường	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0572**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200025	Bùi Đức Anh	27/08/2011	Tỉnh Tuyên Quang	9H	THCS Tứ Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200026	Bùi Ngọc Châu Anh	06/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200027	Bùi Nguyễn Quang Anh	25/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Cỗ Dũng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200028	Bùi Phương Anh	04/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200029	Bùi Quỳnh Anh	31/05/2011	Thành phố Hà Nội	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200030	Dương Ngọc Anh	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200031	Dương Quỳnh Anh	13/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200032	Đàm Diệp Anh	23/12/2011	Thành phố Hà Nội	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200033	Đặng Diệp Anh	28/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200034	Đoàn Hà Anh	10/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200035	Đoàn Trọng Anh	01/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200036	Đỗ Ngọc Quỳnh Anh	29/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200037	Đỗ Nguyễn Lan Anh	08/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200038	Đỗ Phương Anh	27/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200039	Đỗ Quỳnh Anh	11/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200040	Hà Phương Anh	18/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200041	Hồ Quỳnh Anh	31/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Cẩm Giang	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200042	Khương Tùng Anh	14/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200043	Lê Hà Anh	21/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200044	Lê Hà Anh	01/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200045	Lê Hoàng Anh	21/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200046	Lê Mai Anh	02/03/2011	Thành phố Hà Nội	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200047	Lê Ngọc Quỳnh Anh	25/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200048	Lê Phạm Minh Tuấn Anh	27/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0573**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200049	Lê Thị Ngọc Anh	14/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200050	Lê Việt Anh	25/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200051	Lê Xuân Anh	20/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200052	Lưu Tâm Anh	11/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Quang Thành	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200053	Mạc Diệp Anh	06/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200054	Mạc Đặng Minh Anh	28/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200055	Mạc Mai Anh	29/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200056	Ngô Minh Anh	21/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200057	Nguyễn Duy Anh	27/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Phạm Sư Mạnh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200058	Nguyễn Đặng Kim Anh	18/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200059	Nguyễn Đức Anh	11/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200060	Nguyễn Đức Anh	12/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200061	Nguyễn Hoàng Diệu Anh	03/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lai Cách	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200062	Nguyễn Hoàng Diệu Anh	04/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Hưng Long	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200063	Nguyễn Hoàng Duy Anh	19/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200064	Nguyễn Hoàng Kim Anh	11/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Hoàng Tiến	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200065	Nguyễn Hoàng Nhật Anh	29/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200066	Nguyễn Huỳnh Châu Anh	24/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200067	Nguyễn Minh Anh	08/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS An Phượng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200068	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	24/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200069	Nguyễn Nhật Anh	01/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200070	Nguyễn Phương Anh	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200071	Nguyễn Phương Anh	09/12/2011	Nước ngoài	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200072	Nguyễn Phương Anh	31/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0574**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200073	Nguyễn Phương Anh	21/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200074	Nguyễn Quốc Anh	03/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200075	Nguyễn Thị Minh Anh	06/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200076	Nguyễn Thị Minh Anh	10/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200077	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	22/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Quốc Tuấn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200078	Nguyễn Tuấn Anh	06/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200079	Nguyễn Việt Anh	11/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200080	Nguyễn Việt Anh	22/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200081	Nguyễn Vũ Hoàng Anh	16/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200082	Nguyễn Vũ Quỳnh Anh	13/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200083	Nguyễn Xuân Huỳnh Anh	07/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200084	Nhữ Vân Anh	11/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200085	Phạm Đức Anh	13/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200086	Phạm Đức Anh	08/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200087	Phạm Hà Anh	06/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200088	Phạm Minh Anh	23/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200089	Phạm Phương Anh	24/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200090	Phạm Quỳnh Anh	12/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200091	Phạm Thị Quỳnh Anh	21/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200092	Phạm Trâm Anh	06/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200093	Phạm Tuấn Anh	09/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200094	Phan Ngọc Anh	14/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200095	Phùng Quỳnh Anh	11/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Đức Chính	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200096	Tăng Hà Anh	29/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Thạch Khôi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0575**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200097	Trần Đức Anh	25/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200098	Trần Hải Anh	19/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200099	Trần Lâm Anh	21/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Tân Hương	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200100	Trần Linh Anh	15/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200101	Trần Nguyễn Bảo Anh	22/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200102	Trần Phương Anh	12/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200103	Trần Thị Phương Anh	05/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200104	Trần Việt Anh	29/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200105	Trần Vũ Phương Anh	17/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200106	Trịnh Bảo Anh	11/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200107	Trương Thị Minh Anh	11/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200108	Vũ Ngọc Phương Anh	02/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200109	Vũ Nguyễn Quỳnh Anh	29/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200110	Vũ Quỳnh Anh	14/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200111	Vũ Thị Diệp Anh	05/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200112	Vũ Thị Quỳnh Anh	07/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200113	Vương Phương Anh	13/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200114	Đào Thị Ngọc Ánh	31/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200115	Đặng Ngọc Ánh	02/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200116	Lê Hồng Ánh	12/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200117	Lê Phương Ánh	07/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Tứ Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200118	Nguyễn Minh Ánh	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9B	THCS Cẩm Hoàng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200119	Phạm Nguyệt Ánh	18/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Bình Hàn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200120	Đồng Xuân Bách	27/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0576**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200121	Nguyễn Đình Bách	12/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lai Cách	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200122	Nguyễn Gia Bách	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200123	Nguyễn Quang Bách	07/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200124	Nguyễn Việt Bách	23/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200125	Nguyễn Việt Bách	31/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200126	Nguyễn Vũ Bách	11/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200127	Vũ Việt Bách	14/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200128	Vũ Anh Bang	13/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Tuấn Việt	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200129	Đỗ Nguyễn Gia Bảo	12/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200130	Hoàng Phúc Gia Bảo	09/08/2011	Thành phố Hà Nội	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200131	Hoàng Quốc Bảo	10/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200132	Nguyễn Gia Bảo	13/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200133	Nguyễn Gia Bảo	14/07/2011	Tỉnh Phú Thọ	9D	THCS Tân Kỳ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200134	Nguyễn Quốc Bảo	28/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200135	Nguyễn Thái Bảo	31/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200136	Nguyễn Xuân Gia Bảo	01/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Cẩm Văn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200137	Ninh Gia Bảo	13/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200138	Phạm Gia Bảo	11/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A3	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200139	Trần Quốc Bảo	28/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A3	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200140	Vũ Gia Bảo	24/01/2011	Nước ngoài	9A	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200141	Vũ Xuân Bảo	18/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200142	Phạm Quang Bắc	23/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200143	Ngô Trần Ngọc Bích	26/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200144	Đoàn Đức Bình	10/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0577**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200145	Đông Hải Bình	30/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200146	Nguyễn Thanh Bình	21/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200147	Phạm Đức Bình	31/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200148	Phạm Quang Bình	25/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200149	Vương Chí Bình	13/07/2011	Thành phố Hà Nội	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200150	Nguyễn Minh Châm	13/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200151	Bùi Hoàng Minh Châu	19/01/2011	Thành phố Hà Nội	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200152	Bùi Ngọc Châu	30/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200153	Đào Trần Minh Châu	21/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Cẩm Văn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200154	Hà Lê Minh Châu	12/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200155	Hoàng Bảo Châu	05/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200156	Lê Bảo Châu	27/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200157	Lương Nguyễn Hà Châu	01/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Bình Hàn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200158	Ngô Bảo Châu	26/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200159	Nguyễn Minh Châu	01/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200160	Phạm Hà Châu	19/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200161	Phạm Ngọc Minh Châu	12/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200162	Trần Bảo Châu	10/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200163	Đào Phạm Mai Chi	15/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200164	Đình Hà Chi	18/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200165	Đình Ngọc Phương Chi	05/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200166	Đông Phương Chi	28/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Liên Hòa	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200167	Hoàng Hà Chi	02/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200168	Khúc Quỳnh Chi	20/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0578**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200169	Lê Bảo Chi	15/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Cổ Thành	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200170	Lê Nguyễn Huyền Chi	08/11/2011	Thành phố Hải Phòng		THCS An Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200171	Nguyễn Diệp Chi	10/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Đức Chính	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200172	Nguyễn Hà Diệp Chi	15/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200173	Nguyễn Khánh Chi	09/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200174	Nguyễn Mai Chi	15/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200175	Nguyễn Phương Chi	04/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200176	Nguyễn Quỳnh Chi	30/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200177	Nguyễn Thị Phương Chi	12/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200178	Phạm Hà Chi	15/05/2011	Thành phố Hà Nội	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200179	Phạm Khánh Chi	12/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200180	Phạm Nguyễn Hà Chi	05/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200181	Phạm Quỳnh Chi	11/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200182	Vũ Thảo Chi	09/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200183	Vương Đức Chính	04/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Phạm Sư Mạnh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200184	Lê Đăng Công	01/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200185	Đình Tuấn Cường	25/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Việt Hòa	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200186	Lê Quốc Cường	03/10/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	9C	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200187	Lưu Bá Cường	05/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200188	Nguyễn Đức Việt Cường	14/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200189	Nguyễn Việt Cường	24/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200190	Lê Khả Thành Danh	17/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200191	Đào Ngọc Diệp	10/10/2011	Thành phố Hà Nội	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200192	Lê Ngọc Diệp	22/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	9K	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0579**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200193	Nguyễn Bách Diệp	09/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	9A	THCS Phạm Sư Mạnh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200194	Nguyễn Ngọc Diệp	16/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200195	Nguyễn Ngọc Diệp	28/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200196	Phạm Hà Bảo Diệp	30/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200197	Phạm Ngọc Diệp	03/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Bình Hàn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200198	Phạm Trần Ngọc Diệp	19/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Tiên Tiến	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200199	Tăng Mỹ Diệp	15/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200200	Trần Ngọc Diệp	19/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200201	Trịnh Nguyễn Minh Diệp	02/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200202	Vũ Ngọc Diệp	11/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200203	Cao An Dung	17/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200204	Ngô Khuê Dung	11/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200205	Nguyễn Khuê Dung	18/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200206	Nguyễn Khuê Dung	25/08/2011	Thành phố Hà Nội	9N	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200207	Nguyễn Thị Phương Dung	07/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200208	Nguyễn Anh Dũng	28/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Kim Anh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200209	Nguyễn Đình Anh Dũng	01/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200210	Nguyễn Đình Tuấn Dũng	23/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200211	Nguyễn Quang Dũng	26/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200212	Nguyễn Tiến Dũng	01/12/2011	Thành phố Hà Nội	9B	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200213	Nguyễn Trung Dũng	21/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS&THPT Marie Curie	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200214	Phạm Minh Dũng	22/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200215	Trần Quang Dũng	13/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9B1	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200216	Vũ Tiến Dũng	08/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Tứ Cường	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0580**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200217	Vũ Trí Dũng	21/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Kê Sắt	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200218	Doãn Quang Duy	19/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200219	Hà Đức Duy	15/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200220	Hoàng Lâm Duy	29/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200221	Nguyễn Khang Duy	07/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200222	Nguyễn Khánh Duy	18/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200223	Bùi Gia Thảo Duyên	28/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200224	Nguyễn Lê Khánh Duyên	04/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200225	Tạ Thị Mỹ Duyên	08/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200226	Tăng Thị Mỹ Duyên	20/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lai Vu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200227	Cao Đại Dương	12/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200228	Đình Thùy Dương	14/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200229	Đông Nguyễn Thùy Dương	28/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Liên Hòa	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200230	Hoàng Văn Đại Dương	11/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200231	Lê Thị Thùy Dương	27/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200232	Lê Thùy Dương	05/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200233	Nguyễn Hải Dương	23/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200234	Nguyễn Ngọc Ánh Dương	14/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200235	Nguyễn Ngọc Nguyên Dương	01/04/2011	Thành phố Hà Nội	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200236	Nguyễn Quý Dương	31/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200237	Nguyễn Thái Dương	15/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200238	Nguyễn Thị Thùy Dương	26/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Thạch Khôi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200239	Nguyễn Thuỳ Dương	11/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200240	Nguyễn Thuỳ Dương	21/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0581**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200241	Nguyễn Thùy Dương	29/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200242	Nguyễn Thùy Dương	21/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200243	Nguyễn Thùy Dương	02/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS An Thượng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200244	Nguyễn Thùy Dương	31/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200245	Nguyễn Thùy Dương	02/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200246	Nguyễn Tùng Dương	27/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200247	Nguyễn Tùng Dương	18/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200248	Phạm Ánh Dương	24/06/2011	Thành phố Hà Nội	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200249	Phạm Thái Dương	18/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200250	Phạm Thùy Dương	21/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200251	Phạm Thủy Dương	15/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS&THPT Marie Curie	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200252	Phạm Trần Hà Dương	04/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200253	Phạm Tùng Dương	18/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200254	Quách Thái Dương	18/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200255	Trần Ánh Dương	26/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200256	Trần Ánh Dương	13/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200257	Vũ Tùng Dương	20/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200258	Lê Nhân Đại	24/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200259	Lê Ngọc Đan	04/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200260	Phạm Linh Đan	19/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200261	Bùi Minh Đạt	09/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200262	Đình Việt Đạt	06/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200263	Đoàn Bảo Đạt	11/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200264	Đỗ Phúc Đạt	12/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0582**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200265	Nguyễn Mạnh Đạt	27/02/2011	Thành phố Hà Nội	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200266	Nguyễn Như Tuấn Đạt	08/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200267	Nguyễn Quý Đạt	03/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200268	Nguyễn Thành Đạt	03/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200269	Nguyễn Tiến Đạt	14/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200270	Nguyễn Tuấn Đạt	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9G	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200271	Nguyễn Văn Đạt	31/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS An Phụ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200272	Nguyễn Vượng Đạt	10/07/2011	Thành phố Hà Nội	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200273	Phạm Tiến Đạt	23/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200274	Vũ Tất Đạt	15/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A3	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200275	Vũ Tuấn Đạt	07/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200276	Đỗ Vũ Hải Đăng	18/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200277	Giáp Hải Đăng	19/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Cẩm Thượng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200278	Phạm Bá Đăng	29/10/2011	Thành phố Hà Nội	9A	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200279	Phạm Công Đăng	16/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200280	Trần Hải Đăng	10/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200281	Vũ Công Minh Đăng	13/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200282	Vũ Minh Đăng	22/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200283	Nguyễn Thị Phương Đông	06/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200284	Bùi Minh Đức	06/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200285	Lê Quyền Đức	07/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200286	Nguyễn Minh Đức	12/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200287	Nguyễn Quý Đức	31/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200288	Nguyễn Trọng Đức	05/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Tứ Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0583**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200289	Nguyễn Xuân Đức	10/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200290	Phạm Nguyên Đức	03/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200291	Phan Nhật Minh Đức	06/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200292	Trần Anh Đức	09/09/2011	Thành phố Hà Nội	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200293	Trần Hữu Đức	08/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200294	Vũ Minh Đức	24/11/2011	Thành phố Hà Nội	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200295	Nguyễn Thị Hồng Gấm	22/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200296	Đồng Thị Kim Giang	09/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200297	Lê Vũ Hương Giang	30/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200298	Nguyễn Hương Giang	26/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200299	Nguyễn Hương Giang	02/10/2011	Thành phố Hà Nội	9B	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200300	Nguyễn Hương Giang	27/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200301	Nguyễn Hương Giang	03/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nam Đồng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200302	Nguyễn Như Kiều Giang	08/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS&THPT Marie Curie	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200303	Nguyễn Trường Giang	26/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Cổ Dũng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200304	Nguyễn Vũ Hương Giang	17/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Thượng Vũ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200305	Nguyễn Vũ Thu Giang	11/11/2011	Thành phố Hà Nội	9B	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200306	Phạm Minh Giang	04/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200307	Phạm Thu Giang	06/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200308	Tăng Hoàng Hương Giang	09/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200309	Trần Lê Khánh Giang	15/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200310	Vũ Hà Giang	05/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200311	Vũ Hương Giang	11/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200312	Vũ Hương Giang	14/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0584**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200313	Bùi Ngọc Hà	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200314	Dương Vũ Ngân Hà	17/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200315	Đặng Ngân Hà	01/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200316	Đình Ngân Hà	01/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Thanh Khê	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200317	Đỗ Ngọc Hà	15/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200318	Hoàng Khánh Hà	08/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Tân Trường	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200319	Lê Mạnh Hà	15/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Việt Hòa	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200320	Lê Thanh Hà	26/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200321	Lê Thị Minh Hà	01/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200322	Mạc Minh Hà	30/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200323	Mai Nhật Hà	21/05/2011	Thành phố Hà Nội	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200324	Nguyễn Đức Hà	02/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200325	Nguyễn Hồng Hà	24/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Trần Phú	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200326	Nguyễn Minh Hà	01/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200327	Nguyễn Mỹ Hà	11/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200328	Nguyễn Ngọc Hà	23/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200329	Nguyễn Ngọc Minh Hà	08/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200330	Nguyễn Thị Linh Hà	30/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200331	Nguyễn Thị Ngọc Hà	29/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Quốc Tuấn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200332	Phạm Khánh Hà	13/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200333	Phạm Minh Hà	28/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200334	Phạm Ngọc Hà	08/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200335	Phạm Nguyệt Hà	22/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200336	Phạm Thanh Hà	02/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0585**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200337	Trần Bích Hà	21/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200338	Vũ Hồng Hà	27/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200339	Vũ Huy Hà	22/05/2011	Nước ngoài	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200340	Vũ Nguyễn Thu Hà	20/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200341	Vũ Thị Khánh Hà	22/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200342	Đặng Tuấn Hải	16/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Bạch Đằng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200343	Đỗ Nguyễn Minh Hải	21/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200344	Lương Hoàng Hải	08/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200345	Nguyễn Công Hoàng Hải	29/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200346	Nguyễn Đức Hải	06/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200347	Nguyễn Đức Hải	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200348	Nguyễn Minh Hải	13/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200349	Phạm Minh Hải	25/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200350	Phạm Minh Hải	06/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200351	Phạm Quang Hải	02/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200352	Trần Nam Hải	11/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200353	Vũ Mạnh Hải	24/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200354	Vũ Mạnh Hải	31/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS&THPT Marie Curie	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200355	Vũ Nguyễn Đại Hải	07/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200356	Vũ Trọng Hải	08/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200357	Vũ Trung Hải	25/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200358	Lê Mỹ Hạnh	27/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200359	Lê Thị Thanh Hằng	16/09/2011	Tỉnh Bắc Ninh	9B	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200360	Nguyễn Thu Hằng	10/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0586**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200361	Tô Minh Hằng	16/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200362	Bùi Gia Hân	16/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Văn Tố	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200363	Đình Ngọc Gia Hân	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9A	THCS Tân Hương	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200364	Đoàn Ngọc Hân	03/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Thống Nhất	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200365	Hoàng Gia Hân	05/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200366	Mai Ngọc Hân	23/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Trần Phú	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200367	Nguyễn Lê Bảo Hân	08/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Định Sơn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200368	Phạm Gia Hân	12/01/2011	Thành phố Hà Nội	9A	THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200369	Phạm Ngọc Hân	21/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200370	Phạm Vũ Bảo Hân	25/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200371	Trần Gia Hân	05/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200372	Trần Thị Ngọc Hân	12/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200373	Hoàng Thu Hiền	22/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Cẩm Văn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200374	Trần Thị Hiền	27/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Cẩm Vũ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200375	Đoàn Minh Hiền	20/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200376	Nguyễn Danh Hiền	21/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200377	Nguyễn Hữu Hiệp	21/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200378	Bùi Hữu Hiếu	03/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200379	Đặng Đức Hiếu	25/03/2011	Tỉnh Thái Nguyên	9K	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200380	Hoàng Trọng Hiếu	01/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200381	Nguyễn Trung Hiếu	23/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200382	Tiêu Trung Hiếu	06/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200383	Trần Minh Hiếu	21/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200384	Trần Quang Hiếu	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0587**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200385	Nguyễn Mai Hoa	20/02/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200386	Nguyễn Ngọc Vy Hoa	28/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200387	Vũ Phương Hoa	20/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200388	Bùi Thị Thu Hòa	13/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200389	Nguyễn Thị Thu Hoài	31/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200390	Lưu Trung Hoàn	24/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200391	Nguyễn Huy Hoàng	29/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200392	Trương Thị Xuân Huệ	25/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200393	Lê Văn Tuấn Hùng	13/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200394	Nguyễn Huy Hùng	31/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200395	Nguyễn Tuấn Hùng	03/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200396	Nguyễn Việt Hùng	13/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200397	Phạm Mạnh Hùng	04/07/2010	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200398	Phạm Việt Hùng	27/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200399	Trần Thế Hùng	21/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200400	Vũ Nguyễn Minh Hùng	13/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200401	Bùi Nguyên Huy	28/03/2011	Thành phố Hải Phòng		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200402	Bùi Quang Huy	28/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200403	Đình Đức Huy	26/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200404	Đoàn Gia Huy	30/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200405	Đỗ Tuấn Huy	02/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200406	Lã Quang Huy	22/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200407	Lê Đức Huy	29/07/2011	Tỉnh Lai Châu	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200408	Lê Quang Huy	17/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0588**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200409	Ngô Gia Huy	24/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200410	Nguyễn Bách Huy	11/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200411	Nguyễn Đức Huy	31/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200412	Nguyễn Gia Huy	18/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200413	Nguyễn Phúc Quang Huy	06/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A3	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200414	Nguyễn Vũ Gia Huy	30/11/2011	Thành phố Hà Nội	9E	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200415	Phạm Hoàng Gia Huy	19/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200416	Tăng Đức Gia Huy	18/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200417	Vũ Gia Huy	02/03/2011	Thành phố Hà Nội	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200418	Vũ Như Huy	10/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200419	Vũ Tiến Quang Huy	12/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Cẩm Hoàng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200420	Lê Minh Huyền	26/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Hàn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200421	Nguyễn Minh Huyền	04/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200422	Nguyễn Minh Huyền	25/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200423	Nguyễn Thu Huyền	18/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Đoàn Kết	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200424	Trần Thu Huyền	06/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200425	Vũ Ngọc Huyền	19/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200426	Đào Việt Hưng	25/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200427	Đỗ Hữu Gia Hưng	23/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200428	Lê Gia Hưng	17/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200429	Nguyễn Thái Hưng	30/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200430	Phạm Nguyên Hưng	09/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200431	Phạm Phúc Bảo Hưng	16/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200432	Trần Phú Hưng	12/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0589**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200433	Trịnh Thành Hưng	21/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200434	Lê Mai Hương	13/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Hải Tân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200435	Nghiêm Thu Hương	15/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200436	Nguyễn Lan Hương	01/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200437	Nguyễn Mai Hương	07/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chí Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200438	Nguyễn Mai Hương	04/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200439	Nguyễn Quỳnh Hương	03/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200440	Nguyễn Thanh Hương	08/12/2011	Thành phố Hà Nội	9A	THCS Đồng Cầm	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200441	Nguyễn Thị Thu Hương	03/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200442	Phạm Ngọc Quỳnh Hương	26/04/2011	Thành phố Hà Nội	9C	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200443	Phạm Vũ Quỳnh Hương	11/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200444	Tạ Quỳnh Hương	19/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200445	Trần Quỳnh Hương	27/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200446	Trần Thị Mai Hương	19/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200447	Vũ Trọng Khải	07/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200448	Vũ Văn Khải	23/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200449	Bùi Ngô Minh Khang	26/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200450	Lê Duy Phúc Khang	13/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200451	Lưu Bảo Khang	16/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200452	Nguyễn Đức Khang	17/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200453	Nguyễn Minh Khang	22/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200454	Nguyễn Tuấn Khang	02/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200455	Nguyễn Văn Khang	24/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200456	Phạm Duy Khang	14/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0590**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200457	Bùi Gia Khánh	08/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200458	Bùi Văn Khánh	01/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Văn Giang	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200459	Đình Quốc Khánh	22/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200460	Hoàng Công Khánh	27/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200461	Lê Gia Khánh	01/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200462	Nguyễn Bảo Khánh	03/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200463	Nguyễn Cao Văn Khánh	19/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200464	Nguyễn Duy Khánh	09/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200465	Nguyễn Duy Khánh	21/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS&THPT Marie Curie	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200466	Nguyễn Gia Khánh	20/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200467	Nguyễn Kim Khánh	09/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200468	Nguyễn Nam Khánh	18/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A3	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200469	Nguyễn Nam Khánh	27/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200470	Nguyễn Nam Khánh	24/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Phạm Sư Mạnh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200471	Phạm Trung Khánh	11/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200472	Phan Thị Kim Khánh	02/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200473	Phùng Quốc Khánh	05/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200474	Trần Nam Khánh	23/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200475	Trần Văn Khánh	02/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200476	Trần Văn Khánh	19/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200477	Trần Vũ Văn Khánh	22/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200478	Đỗ Gia Khoa	22/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200479	Lê Anh Khoa	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200480	Nguyễn Văn Duy Khoa	04/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0591**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200481	Nguyễn Văn Khoa	06/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200482	Phạm Anh Khoa	04/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200483	Phạm Bách Khoa	03/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200484	Tăng Minh Khoa	07/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200485	Cao Thị Thanh Khôi	03/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Việt Hòa	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200486	Đặng Nguyên Khôi	02/12/2011	Thành phố Hà Nội	9C	THCS Vĩnh Hưng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200487	Nguyễn Minh Khôi	19/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200488	Vũ Nguyễn Đăng Khôi	22/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200489	Lê Minh Khuê	22/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nam Đồng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200490	Bùi Bá Hoàng Kiên	05/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200491	Lưu Trung Kiên	26/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200492	Nguyễn Trung Kiên	08/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200493	Nguyễn Trung Kiên	17/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200494	Vũ Ngọc Kiên	21/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200495	Nguyễn Nhân Kiệt	05/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200496	Vũ Nhân Kiệt	24/08/2011	Thành phố Hà Nội	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200497	Đỗ Thị Mai Lan	14/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Tân Quang	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200498	Nguyễn Mai Lan	05/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Quang Thành	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200499	Trần Ngọc Lan	02/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200500	Vũ Ngọc Lan	21/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Long Xuyên	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200501	Dương Tú Lâm	19/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Hải Tân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200502	Đào Tuệ Lâm	24/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200503	Hoàng Bảo Lâm	28/05/2011	Thành phố Hà Nội	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200504	Hoàng Tuệ Lâm	21/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0592**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200505	Nguyễn Ánh Lâm	11/07/2011	Thành phố Hà Nội	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200506	Nguyễn Mạnh Lâm	09/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Tứ Kỳ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200507	Nguyễn Thái Lâm	08/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Thống Nhất	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200508	Nguyễn Tùng Lâm	29/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200509	Nguyễn Vượng Lâm	22/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200510	Phạm Thị Tú Lâm	30/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200511	Phạm Thị Tùng Lâm	26/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200512	Phan Bảo Lâm	14/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Nguyễn Lương Bằng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200513	Vũ Lê Tùng Lâm	07/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200514	Vũ Thị Quỳnh Lâm	29/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200515	Vũ Tuệ Lâm	21/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200516	Nguyễn Hạnh Liên	15/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200517	Nguyễn Kim Liên	11/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200518	An Phương Linh	29/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Nguyễn Lương Bằng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200519	Bùi Nguyễn Khánh Linh	26/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200520	Bùi Thùy Linh	08/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Hải Tân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200521	Cao Hà Linh	09/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200522	Chu Khánh Linh	03/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200523	Đào Mai Linh	06/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200524	Đình Phương Linh	18/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200525	Đoàn Khánh Linh	08/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200526	Đồng Gia Linh	21/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200527	Đỗ Phương Linh	15/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200528	Hoàng Gia Linh	24/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Thanh Xuân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0593**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200529	Hoàng Thị Nhật Linh	20/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200530	Lê Gia Linh	10/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200531	Lê Nhật Linh	16/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200532	Lê Phương Linh	13/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200533	Ngô Khánh Linh	23/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200534	Nguyễn Diệu Linh	18/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ái Quốc	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200535	Nguyễn Diệu Linh	28/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Hàn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200536	Nguyễn Diệu Linh	10/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200537	Nguyễn Hà Linh	24/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200538	Nguyễn Mai Linh	05/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200539	Nguyễn Mai Linh	06/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200540	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	11/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200541	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	26/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200542	Nguyễn Ngọc Linh	05/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200543	Nguyễn Ngọc Thảo Linh	09/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200544	Nguyễn Phương Linh	22/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A3	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200545	Nguyễn Phương Linh	21/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200546	Nguyễn Thị Thảo Linh	15/12/2011	Thành phố Hà Nội	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200547	Nguyễn Thị Thùy Linh	12/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200548	Nguyễn Tuệ Linh	18/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200549	Nguyễn Vũ Hà Linh	23/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200550	Phạm Bảo Linh	14/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200551	Phạm Hà Linh	30/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200552	Phạm Khánh Linh	08/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0594**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200553	Phạm Khánh Linh	11/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200554	Phạm Nguyễn Tú Linh	17/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200555	Phạm Phương Linh	08/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200556	Phạm Phương Linh	05/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Quyết Thắng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200557	Phạm Vỹ Linh	25/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200558	Tăng Thị Hải Linh	09/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200559	Trần Gia Linh	27/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200560	Trần Thị Ngọc Linh	04/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200561	Trịnh Yến Linh	10/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200562	Vũ Hà Linh	14/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200563	Vũ Khánh Linh	02/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200564	Vũ Lê Hà Linh	06/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200565	Vũ Mỹ Linh	01/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200566	Vũ Ngọc Bảo Linh	06/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200567	Vũ Ngọc Bảo Linh	15/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200568	Vũ Nhật Linh	19/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200569	Vũ Thùy Linh	25/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200570	Bùi Vũ Nhật Long	06/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200571	Nguyễn Bá Tùng Long	22/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200572	Nguyễn Gia Long	31/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A3	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200573	Nguyễn Võ Minh Long	09/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200574	Phạm Hạ Long	08/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200575	Vũ Hoàng Long	09/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200576	Vũ Kim Long	07/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Quang Thành	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0595**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200577	Chu Thành Lộc	17/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200578	Nguyễn Phúc Lộc	05/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200579	Phạm Thành Lộc	04/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200580	Vũ Minh Lộc	29/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200581	Vũ Quý Lộc	17/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200582	Bùi Duy Luân	09/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lai Vu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200583	Trương Ngọc Lương	06/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200584	Trương Hương Ly	13/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200585	Chu Phương Mai	07/07/2011	Thành phố Hà Nội	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200586	Đỗ Thanh Mai	06/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200587	Lê Thị Ngọc Mai	25/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200588	Nghiêm Phương Mai	01/06/2011	Thành phố Hà Nội	9E	THCS Bình Hàn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200589	Nguyễn Bùi Nhật Mai	19/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Phạm Sư Mạnh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200590	Nguyễn Hiền Mai	24/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200591	Nguyễn Ngọc Mai	02/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200592	Phạm Ngọc Mai	22/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200593	Phạm Thanh Mai	06/04/2011	Thành phố Hà Nội	9C	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200594	Vũ Phương Mai	15/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200595	Nguyễn Văn Mạnh	10/07/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200596	Trần Xuân Mạnh	03/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Thị trấn Gia Lộc	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200597	Vũ Huy Mạnh	12/09/2011	Thành phố Hà Nội	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200598	Vũ Văn Mạnh	24/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Tứ Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200599	Doãn Hà Mi	01/11/2011	Thành phố Hà Nội	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200600	Bùi Hữu Minh	16/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0596**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200601	Bùi Quang Minh	14/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200602	Bùi Xuân Gia Minh	22/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS&THPT Marie Curie	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200603	Chu Nhật Minh	16/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Hàn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200604	Đào Anh Minh	28/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200605	Đoàn Nguyễn Ái Minh	01/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200606	Đoàn Nhật Minh	03/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Hải Tân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200607	Đoàn Thanh Minh	16/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200608	Hoàng Anh Minh	05/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200609	Hoàng Vũ Quang Minh	28/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200610	Kiều Tuấn Minh	18/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200611	Lã Tiến Minh	08/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200612	Lê Nhật Minh	31/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200613	Lê Phúc Minh	30/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200614	Lê Tuệ Minh	14/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200615	Lý Bá Quang Minh	21/04/2011	Thành phố Hà Nội	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200616	Mai Quang Minh	28/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200617	Nguyễn Công Minh	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9H	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200618	Nguyễn Đặng Tuấn Minh	13/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9M	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200619	Nguyễn Đức Minh	12/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200620	Nguyễn Gia Minh	27/12/2011	Thành phố Hà Nội	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200621	Nguyễn Hiền Minh	27/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Tứ Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200622	Nguyễn Khắc Tuệ Minh	29/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200623	Nguyễn Ngọc Minh	16/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200624	Nguyễn Nhật Minh	28/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0597**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200625	Nguyễn Phạm Hồng Minh	20/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200626	Nguyễn Phạm Nguyệt Minh	19/09/2011	Tỉnh Đồng Tháp	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200627	Nguyễn Quang Minh	05/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200628	Nguyễn Quang Minh	04/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200629	Nguyễn Quang Minh	03/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200630	Nguyễn Quang Minh	08/03/2011	Thành phố Hà Nội	9A	THCS Phạm Sư Mạnh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200631	Nguyễn Quý Minh	11/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200632	Nguyễn Tiến Minh	10/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Quang Thành	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200633	Nguyễn Tuấn Minh	09/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A3	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200634	Nguyễn Tường Minh	02/03/2011	Thành phố Hà Nội	9A	THCS Thị trấn Gia Lộc	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200635	Phạm Doãn Minh	02/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200636	Phạm Đăng Minh	10/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200637	Phạm Tiến Minh	24/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200638	Phạm Tiến Minh	09/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Phạm Sư Mạnh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200639	Phan Quang Minh	04/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200640	Phùng Tuệ Minh	25/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200641	Trần Bảo Minh	12/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200642	Trần Đức Minh	03/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lai Cách	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200643	Trịnh Quang Minh	22/01/2011	Thành phố Hà Nội	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200644	Vũ Đức Minh	24/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200645	Vũ Ngọc Minh	26/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200646	Vũ Nhật Minh	15/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200647	Vũ Nhật Minh	27/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200648	Vũ Thái Minh	22/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0598**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200649	Đặng Trà My	27/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200650	Lê Nguyễn Trà My	19/04/2011	Thành phố Hà Nội	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200651	Nguyễn Hà My	30/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200652	Nguyễn Ngọc Hà My	04/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200653	Nguyễn Thanh Thảo My	23/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200654	Phạm Trần Hà My	17/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200655	Bùi Đức Bảo Nam	05/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Nguyễn Lương Bằng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200656	Hoàng Quang Nam	10/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200657	Lê Gia Nam	12/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200658	Lê Hải Nam	04/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Đức Chính	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200659	Nguyễn Bảo Nam	29/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9N	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200660	Nguyễn Hải Nam	24/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200661	Phạm Hải Nam	26/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200662	Phạm Hải Nam	06/04/2011	Thành phố Đà Nẵng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200663	Trịnh Hoàng Nam	13/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200664	Vũ Đức An Nam	20/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200665	Vũ Hải Nam	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9A	THCS Phượng Kỳ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200666	Vương Mạnh Nam	19/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Thái Học	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200667	Đỗ Phương Nga	16/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200668	Hoàng Linh Nga	31/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200669	Nguyễn Phương Nga	04/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200670	Nguyễn Phương Nga	16/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200671	Phạm Việt Nga	06/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200672	Tăng Việt Nga	23/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0599**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200673	Bùi Vũ Kim Ngân	26/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Đoàn Kết	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200674	Đông Thị Kim Ngân	03/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200675	Lê Hải Ngân	08/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200676	Lê Hoàng Ngân	27/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200677	Nguyễn Kim Ngân	15/03/2011	Thành phố Hà Nội	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200678	Nguyễn Kim Ngân	09/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200679	Nguyễn Kim Ngân	31/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Thanh Hải	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200680	Nguyễn Thị Khánh Ngân	22/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200681	Nguyễn Thị Kim Ngân	29/09/2011	Thành phố Hà Nội	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200682	Nguyễn Thị Kim Ngân	12/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200683	Nguyễn Trần Kim Ngân	10/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200684	Phạm Phương Ngân	17/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200685	Vũ Thu Ngân	04/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200686	Đào Trung Nghĩa	25/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200687	Nguyễn Trọng Nghĩa	30/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200688	Phạm Duy Nghĩa	25/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200689	Trần Tuấn Nghĩa	21/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200690	Trương Hoàng Trung Nghĩa	24/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200691	Vũ Đăng Nghĩa	30/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200692	Vũ Tiến Trí Nghĩa	04/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200693	Hoàng Khánh Ngọc	18/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200694	Hoàng Khánh Ngọc	13/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Tứ Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200695	Hoàng Khánh Ngọc	24/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200696	Lê Phương Ngọc	08/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0600**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200697	Ngô Bảo Ngọc	26/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200698	Nguyễn Khánh Ngọc	06/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200699	Nguyễn Khánh Ngọc	26/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200700	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	01/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200701	Nguyễn Minh Ngọc	20/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200702	Nguyễn Phạm Bảo Ngọc	06/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200703	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	03/01/2011	Thành phố Hà Nội	9C	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200704	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	30/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200705	Phạm Thị Khánh Ngọc	05/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200706	Phan Minh Ngọc	09/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200707	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	16/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200708	Triệu Lê Bảo Ngọc	27/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200709	Vũ Khánh Ngọc	27/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Cẩm Thượng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200710	Vũ Nguyễn Khánh Ngọc	21/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200711	Vũ Nguyễn Minh Ngọc	30/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200712	Vũ Thị Hồng Ngọc	27/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS&THPT Marie Curie	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200713	Bùi Hạnh Nguyên	11/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200714	Đào Thảo Nguyên	18/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200715	Nguyễn Đắc Trung Nguyên	29/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200716	Nguyễn Khôi Nguyên	05/07/2011	Thành phố Hà Nội	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200717	Nguyễn Thảo Nguyên	22/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200718	Nguyễn Thị Bảo Nguyên	19/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200719	Nguyễn Tuệ Nguyên	12/01/2011	Thành phố Hà Nội	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200720	Phạm Hải Nguyên	14/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0601**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200721	Phạm Phú Nguyên	20/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200722	Vương Hoàng Trí Nguyên	30/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200723	Trần Minh Nguyệt	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200724	Nguyễn Văn Nhất	05/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200725	Nguyễn Minh Nhật	08/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200726	Trần Trọng Minh Nhật	16/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Tân Việt	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200727	Lê Uyên Nhi	02/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200728	Nguyễn Dương Bảo Nhi	17/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200729	Nguyễn Tâm Nhi	15/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Trần Phú	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200730	Phạm Ngọc Lan Nhi	11/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200731	Phạm Thị Khánh Nhi	10/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200732	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200733	Nguyễn Tiến Ninh	19/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200734	Từ Nghênh Ninh	07/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200735	Nguyễn Hà Kiều Oanh	05/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200736	Nguyễn Kiều Oanh	30/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200737	Nguyễn Lê Phương Oanh	06/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200738	Đặng Trường Phát	08/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200739	Đặng Nam Phong	14/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200740	Hà Thế Phong	16/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200741	Lê Anh Phong	29/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200742	Lê Nam Phong	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200743	Lưu Đoàn Hải Phong	27/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200744	Nguyễn Công Nam Phong	08/02/2011	Thành phố Hà Nội	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0602**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200745	Nguyễn Đăng Nam Phong	06/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200746	Nguyễn Đức Phong	23/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200747	Trần Đình Phong	18/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200748	Trần Thanh Phong	09/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200749	Vũ Hải Phong	17/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200750	Vũ Tuấn Phong	10/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Tân Việt	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200751	Lưu Trọng Phú	02/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200752	Nguyễn Minh Phú	24/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200753	Trần Thiên Phú	27/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200754	Đặng Vũ Phúc	24/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200755	Lê Bảo Phúc	10/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200756	Lê Hồng Phúc	28/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Tứ Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200757	Lưu Ngọc Danh Phúc	22/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A3	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200758	Nguyễn An Phúc	28/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200759	Nguyễn Hồng Phúc	21/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS&THPT Marie Curie	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200760	Nguyễn Minh Phúc	08/10/2011	Thành phố Hà Nội	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200761	Trần Gia Phúc	14/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200762	Trương Hồng Phúc	21/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200763	Bùi Minh Phương	18/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200764	Đào Bình Phương	07/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200765	Đặng Mai Phương	10/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200766	Đỗ Nguyễn Bảo Phương	07/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200767	Đỗ Thị Hà Phương	01/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9N	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200768	Đỗ Vũ Hải Phương	02/09/2011	Thành phố Hà Nội	9B	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0603**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200769	Hoàng Thị Minh Phương	30/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200770	Hoàng Thị Thu Phương	03/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Thanh Sơn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200771	Hoàng Thủy Phương	05/12/2011	Thành phố Hà Nội	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200772	Lê Hà Phương	14/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200773	Ngô Lan Phương	19/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200774	Nguyễn Dương Hiếu Phương	05/06/2011	Thành phố Hà Nội	9A1	THCS Thanh Miện	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200775	Nguyễn Hà Phương	10/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200776	Nguyễn Hùng Phương	05/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200777	Nguyễn Mai Phương	04/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200778	Nguyễn Mai Phương	14/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200779	Nguyễn Ngọc Lan Phương	24/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200780	Nguyễn Thị Thảo Phương	17/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200781	Phạm Anh Phương	26/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200782	Phạm Đỗ Hà Phương	24/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200783	Trần Hà Phương	21/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS&THPT Marie Curie	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200784	Trần Khánh Phương	28/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200785	Trần Mai Phương	19/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200786	Trần Minh Phương	14/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200787	Vũ Việt Mai Phương	16/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200788	Đỗ Minh Quang	20/04/2011	Thành phố Hà Nội	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200789	Nguyễn Minh Quang	10/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200790	Phạm Minh Quang	17/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200791	Hà Hồng Quân	28/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200792	Hoàng Mạnh Quân	26/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0604**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200793	Nguyễn Danh Minh Quân	15/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS&THPT Marie Curie	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200794	Nguyễn Minh Quân	04/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200795	Nguyễn Minh Quân	17/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200796	Phạm Quý Quân	01/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200797	Trần Đức Minh Quân	15/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200798	Đỗ Vũ Thục Quyên	27/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200799	Nguyễn Ngọc Hương Quyên	21/09/2011	Thành phố Hà Nội	9D	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200800	Nguyễn Tú Quyên	17/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200801	Hoàng Đình Quyết	09/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200802	Đình Như Quỳnh	14/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200803	Đồng Thị Diệp Quỳnh	10/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200804	Lê Thúy Quỳnh	27/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200805	Chu Bảo Ngọc San San	14/12/2011	Thành phố Hà Nội	9K	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200806	Phạm Tấn Sang	17/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200807	Phạm Văn Bảo Sơn	07/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200808	Tô Trung Sơn	08/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200809	Vũ Hoàng Sơn	30/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200810	Đặng Anh Tài	15/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Dân Chủ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200811	Nguyễn Xuân Đức Tài	28/06/2011	Thành phố Hà Nội	9C	THCS Kê Sắt	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200812	Phạm Hữu Tài	23/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200813	Vũ Thanh Tâm	05/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Bình Hàn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200814	Hoàng Phúc Gia Thái	09/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200815	Nguyễn Hồng Thái	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9A	THCS Minh Tân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200816	Nguyễn Hữu Quốc Thái	30/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0605**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200817	Nguyễn Quốc Thái	16/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200818	Phạm Văn Gia Thái	04/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200819	Vũ Đình Quang Thái	08/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200820	Nguyễn Đan Thanh	21/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200821	Nguyễn Phương Thanh	01/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200822	Đỗ Hoa Thành	03/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200823	Đỗ Việt Thành	18/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200824	Phạm Minh Thành	28/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200825	Phạm Xuân Thành	03/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200826	Trần Tiến Thành	11/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200827	Nguyễn Ngọc Thạnh	17/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200828	Bùi Phương Thảo	30/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200829	Chừ Thị Thanh Thảo	18/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200830	Đình Phương Thảo	26/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Cẩm Thượng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200831	Đồng Phương Thảo	10/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200832	Nguyễn Diệu Thảo	30/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200833	Nguyễn Hà Phương Thảo	06/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200834	Nguyễn Hương Thảo	13/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A3	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200835	Nguyễn Phương Thảo	06/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200836	Phạm Thanh Thảo	07/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200837	Phạm Thị Thanh Thảo	04/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200838	Trương Thị Phương Thảo	16/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200839	Vũ Hương Thảo	04/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200840	Vũ Phương Thảo	16/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0606**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200841	Vũ Thị Phương Thảo	01/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200842	Vương Vũ Diệu Thảo	27/04/2011	Thành phố Hà Nội	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200843	Nguyễn Hữu Minh Thắng	04/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200844	Trần Khánh Thi	24/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	9C	THCS Cẩm Thượng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200845	Vũ Văn Thi	12/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lạc Long	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200846	Nguyễn Phúc Thiện	13/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200847	Đoàn Trường Thịnh	03/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200848	Nguyễn Hữu Thịnh	23/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200849	Vũ Phúc Thịnh	24/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200850	Phạm Tiến Thọ	13/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200851	Phạm Linh Thu	23/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200852	Nguyễn Ngọc Thu Thủy	18/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200853	Đào Thu Thủy	08/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200854	Phạm Ngọc Thủy	10/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200855	Nguyễn Anh Thư	12/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200856	Nguyễn Anh Thư	03/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200857	Nguyễn Bảo Thư	21/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200858	Nguyễn Lê Anh Thư	20/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Thị trấn Gia Lộc	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200859	Nguyễn Lưu Anh Thư	28/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200860	Nguyễn Minh Thư	24/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9M	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200861	Trần Anh Thư	29/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200862	Vũ Thị Anh Thư	11/02/2011	Thành phố Hà Nội	9A	THCS Thống Nhất	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200863	Vũ Thùy Minh Thư	20/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200864	Phạm Đan Thy	02/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0607**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200865	Phạm Khánh Thy	12/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200866	Bùi Thủy Tiên	19/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200867	Lê Việt Tiến	24/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200868	Ngô Minh Tiến	17/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200869	Vũ Gia Tiến	13/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200870	Bùi Văn Toàn	15/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200871	Nghiêm Trọng Toàn	09/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200872	Ngô Bùi Khánh Toàn	16/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Dân Chủ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200873	Nguyễn Khánh Toàn	16/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200874	Bùi Lê Bảo Trang	07/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200875	Bùi Thu Trang	17/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200876	Đặng Thị Huyền Trang	28/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200877	Đặng Thùy Trang	13/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200878	Hoàng Yến Trang	25/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200879	Lương Minh Trang	29/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200880	Nguyễn Huyền Trang	24/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200881	Nguyễn Huyền Trang	22/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Thị trấn Gia Lộc	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200882	Nguyễn Lê Hà Trang	21/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9K	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200883	Nguyễn Mai Trang	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9H	THCS Sao Đỏ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200884	Nguyễn Mai Trang	03/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200885	Nguyễn Thị Minh Trang	21/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200886	Nguyễn Thu Trang	15/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200887	Nhữ Quỳnh Trang	14/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200888	Vũ Thị Quỳnh Trang	06/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0608**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200889	Nguyễn Vũ Bảo Trâm	12/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200890	Lê Minh Trí	05/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200891	Nguyễn Đức Trí	05/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200892	Trần Minh Trí	12/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200893	Vũ Đức Trí	14/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200894	Vũ Xuân Minh Trí	18/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200895	Lê Mạnh Triết	02/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200896	Hoàng Đặng Bảo Trinh	13/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200897	Nguyễn Vân Trinh	13/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200898	Phạm Việt Trinh	16/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200899	Cù Bảo Trúc	19/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS&THPT Marie Curie	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200900	Nguyễn Thanh Trúc	22/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200901	Nguyễn Thanh Trúc	30/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200902	Vũ Thanh Trúc	07/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Bình Hàn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200903	Đỗ Đức Trung	14/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200904	Lê Quang Trung	27/09/2011	Thành phố Hà Nội	9D	THCS Tiên Tiên	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200905	Lê Quốc Trung	10/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A3	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200906	Nguyễn Thành Trung	09/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A1	THCS Nguyễn Lương Bằng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200907	Phạm Khánh Trung	05/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9M	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200908	Đào Công Trường	03/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200909	Hoàng Minh Tú	01/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200910	Lê Cẩm Tú	22/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200911	Nghiêm Đình Tú	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200912	Nguyễn Anh Tú	27/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0609**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200913	Nguyễn Lê Minh Tú	06/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200914	Nguyễn Minh Tú	31/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200915	Phạm Thị Cẩm Tú	13/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200916	Tiêu Công Trường Tú	01/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200917	Vũ Lê Thanh Tú	12/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Bình Hàn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200918	Đặng Minh Tuấn	11/03/2011	Tỉnh Ninh Bình	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200919	Lê Anh Tuấn	22/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200920	Lê Anh Tuấn	19/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200921	Vũ Lộc Tuấn	17/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200922	Bùi Đức Tùng	29/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200923	Bùi Thanh Tùng	02/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200924	Doãn Phạm Sơn Tùng	06/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200925	Dư Đức Tùng	12/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200926	Đặng Danh Tùng	13/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200927	Hà Sơn Tùng	18/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200928	Hoàng Đình Tùng	05/12/2011	Thành phố Hà Nội	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200929	Hoàng Trọng Tùng	12/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200930	Lê Sơn Tùng	04/10/2011	Thành phố Hà Nội	9D	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200931	Nguyễn Danh Tùng	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	9A	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200932	Nguyễn Thế Tùng	04/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200933	Nguyễn Văn Tùng	31/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200934	Phạm Sơn Tùng	26/08/2011	Thành phố Hà Nội	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200935	Tạ Thanh Tùng	02/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200936	Trần Minh Tùng	15/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Thăng Long	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0610**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200937	Vũ Văn Song Tùng	28/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200938	Hà Mạnh Tường	15/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200939	Khổng Minh Gia Cát Tường	10/02/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200940	Đặng Gia Uy	24/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200941	Bùi Thu Uyên	14/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Giáp	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200942	Đình Thu Uyên	21/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Phan Bội Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200943	Đỗ Tố Uyên	07/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Cao An	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200944	Đỗ Xuân Uyên	21/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200945	Nguyễn Bảo Uyên	02/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200946	Nguyễn Bảo Uyên	22/10/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Cẩm Hoàng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200947	Nguyễn Lâm Uyên	28/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS Võ Thị Sáu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200948	Nguyễn Tiến Văn	25/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200949	Cao Tường Vân	21/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Ngô Gia Tự	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200950	Hoàng Mai Thanh Vân	08/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Phạm Sư Mạnh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
15	200951	Phạm Anh Vân	03/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Quyết Thắng	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
16	200952	Vũ Thanh Vân	01/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
17	200953	Vũ Thanh Vân	01/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
18	200954	Lê Hà Vi	20/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
19	200955	Lê Tường Vi	14/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
20	200956	Vũ Tường Vi	01/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
21	200957	Nguyễn Bách Vĩ	18/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
22	200958	Trần Chí Vĩ	03/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
23	200959	Đào Quốc Việt	24/11/2011	Thành phố Hà Nội	9D	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
24	200960	Đỗ Hoàng Việt	28/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9M	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0611**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200961	Nguyễn Hoàng Việt	10/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200962	Nguyễn Khôi Việt	18/09/2011	Thành phố Hải Phòng	9A3	THCS Phú Thái	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200963	Nguyễn Quốc Việt	11/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200964	Phạm Quốc Việt	22/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200965	Bùi Bách Phương Vinh	27/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lai Vu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200966	Nguyễn Quang Vinh	20/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200967	Phạm Thế Vinh	11/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200968	Bùi Lâm Vũ	16/08/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200969	Hoàng Anh Vũ	04/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200970	Lê Vũ	03/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200971	Nguyễn Anh Vũ	07/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9E	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200972	Nguyễn Hoàng Vũ	09/05/2011	Tỉnh Lào Cai	9D	THCS Yết Kiêu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200973	Phạm Quang Vũ	30/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9D	THCS&THPT Marie Curie	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
14	200974	Nguyễn Hà Vy	04/03/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Ngọc Châu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 14 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG COI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2026 - 2027**  
**THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI**  
**Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ**  
**Phòng thi số: P0612**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường THCS	Môn thi ngoại ngữ
1	200975	Nguyễn Khánh Vy	14/09/2011	Thành phố Hà Nội	9H	THCS Tứ Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
2	200976	Nguyễn Khánh Vy	05/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9H	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
3	200977	Nguyễn Thị Tường Vy	20/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
4	200978	Nguyễn Tường Vy	19/01/2011	Thành phố Hải Phòng	9I	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
5	200979	Phạm Hoàng Liên Vy	05/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Bình Hàn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
6	200980	Trần Tường Vy	24/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9C	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
7	200981	Đoàn Thị Như Ý	04/12/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Thành Nhân	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
8	200982	Nguyễn Như Ý	25/11/2011	Tỉnh Bắc Ninh	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
9	200983	Đỗ Hải Yến	02/04/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Bình Minh	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
10	200984	Lê Thị Hải Yến	14/06/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
11	200985	Nguyễn Hồ Hải Yến	08/05/2011	Thành phố Hải Phòng	9G	THCS Tân Bình	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
12	200986	Nguyễn Vũ Bảo Yến	26/07/2011	Thành phố Hải Phòng	9A	THCS Vũ Hữu	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)
13	200987	Nguyễn Vũ Hoàng Yến	01/11/2011	Thành phố Hải Phòng	9B	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh (Ngoại ngữ không chuyên)

Danh sách gồm: 13 thí sinh.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 05 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

(Ký, ghi rõ họ tên)